

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Văn Hán**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN  
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BA (kỳ họp chuyên đề)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại giải tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 06/9/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công Quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính xã của tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ công văn số 1867/SNV-TCBC&TCCB&CTTN ngày 12/9/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Văn Hán tại Công văn số 402/UBND-VHXH ngày 28/9/2025 về việc ban hành Nghị quyết thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Văn Hán.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Văn Hán là tổ chức hành chính thuộc UBND xã Văn Hán.

**Điều 2.** Trung tâm Phục vụ hành chính công có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; biên chế và kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

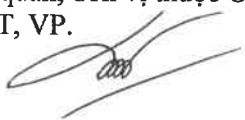
1. Giao UBND xã Văn Hán triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, các Tổ Đại biểu HĐND xã và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Văn Hán khoá XXI, Kỳ họp thứ Ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VP.



  
**CHỦ TỊCH**  
  
  
**Nguyễn Khắc Hùng**

Số: 20 /NQ-HĐND

Văn Hán, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Văn Hán**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN  
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND xã Văn Hán thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Văn Hán;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 29/9/2025 của UBND xã Văn Hán về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Văn Hán; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Văn Hán như sau:

**Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 là:**

**24.728 triệu đồng**

**Trong đó:****I. Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh:**

<b>1. Vốn giao năm 2025:</b>	<b>22.873 triệu đồng</b>
<b>1.1. Vốn đầu tư công ngân sách địa phương:</b>	<b>13.229 triệu đồng</b>
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	6.729 triệu đồng
- Các nguồn vốn khác:	6.500 triệu đồng
<b>1.2. Vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:</b>	<b>9.644 triệu đồng</b>
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:	9.644 triệu đồng
Chi tiết:	
+ Ngân sách Trung ương:	5.896 triệu đồng
+ Ngân sách tỉnh:	3.748 triệu đồng
<b>2. Vốn chuyển tiếp năm 2024 sang năm 2025 (Đã giao tại QĐ 327/QĐ – UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã Văn Hán):</b>	<b>1.855 triệu đồng</b>

**II. Kế hoạch vốn bổ sung: 890 triệu đồng, gồm:**

<b>1. Nguồn vốn ngân sách trung ương:</b>	<b>140 triệu đồng</b>
- Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM:	140 triệu đồng
<b>2. Nguồn vốn ngân sách địa phương:</b>	<b>750 triệu đồng</b>
- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng NTM:	85 triệu đồng
- Nguồn vốn khác:	665 triệu đồng

**III. Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh: 25.618 triệu đồng, gồm:**

<b>1. Vốn giao năm 2025:</b>	<b>23.763 triệu đồng</b>
<b>1.1. Vốn đầu tư công ngân sách địa phương:</b>	<b>13.894 triệu đồng</b>
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	6.729 triệu đồng
- Các nguồn vốn khác:	7.165 triệu đồng
<b>1.2. Vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:</b>	<b>9.869 triệu đồng</b>
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:	9.869 triệu đồng
Chi tiết:	
+ Ngân sách Trung ương:	6.036 triệu đồng
+ Ngân sách tỉnh:	3.833 triệu đồng
<b>2. Vốn chuyển tiếp năm 2024 sang năm 2025 (Đã giao tại QĐ 327/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã Văn Hán):</b>	<b>1.855 triệu đồng</b>

(Chi tiết có biểu kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và các đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Văn Hán khoá XXI, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2025./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khoá XXI;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VP.




**Nguyễn Khắc Hùng**



TT	Nội dung chương trình, nhiệm vụ, dự án	Tình trạng dự án	Thời gian KC-HT	Kết hoạch đầu tư công năm 2025 đã được giao tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025				Kết hoạch vốn điều chỉnh bổ sung (tăng +; giảm -)				Kết hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
				Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:				
				Tổng cộng	NS trung ương	NS tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Các nguồn vốn khác	Tổng cộng	NS trung ương	NS tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Các nguồn vốn khác	Tổng cộng	NS trung ương	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xóm Thịnh Đức 1 đi xóm Hoan xã Cây Thi	Đã hoàn thành, chưa quyết toán	2025 - 2025	950	950	-	-	-	-	950	950	-	-	-	-	-
4	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp tuyến đường trung tâm xóm La Đán xã Văn Hán	Đã hoàn thành quyết toán	2025 - 2025	900	900	-	-	-	-	900	900	-	-	-	-	-
5	Sửa chữa đại tu công trình liệt sỹ xã Văn Hán	Đang triển khai thực hiện	2025 - 2025	244	244	-	-	-	-	244	244	-	-	-	-	-
6	Đường bê tông xóm Khe Mo 2, xã Khe Mo	Đã hoàn thành quyết toán	2025 - 2025	46	-	46	-	-	-	46	-	46	-	-	-	-
7	Đường bê tông xóm La Đường xã Khe Mo	Đã hoàn thành quyết toán	2025 - 2025	900	600	300	-	-	-	900	600	300	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cấp nước</b>			<b>3.056</b>	<b>-</b>	<b>3.056</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.056</b>	<b>-</b>	<b>3.056</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Khe Mo	Đang triển khai thực hiện	2024 - 2025	3.056	-	3.056	-	-	-	3.056	-	3.056	-	-	-	-

Số: 19 /NQ-HĐND

Văn Hán, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021 - 2025 xã Văn Hán**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN  
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã Văn Hán thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Văn Hán;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 29/9/2025 của UBND xã Văn Hán về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Văn Hán; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Văn Hán như sau:

**1. Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh: 90.861 triệu đồng, gồm**

- a. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 18.982 triệu đồng**
- Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM: 18.542 triệu đồng
  - Nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 440 triệu đồng
- b. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 71.879 triệu đồng**
- Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp: 4.475 triệu đồng
  - Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 3.044 triệu đồng
  - Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng NTM: 9.236 triệu đồng
  - Nguồn thu tiền sử dụng đất: 16.735 triệu đồng
  - Nguồn vốn khác: 38.389 triệu đồng
- 2. Kế hoạch vốn bổ sung: 890 triệu đồng, gồm:**
- a. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 140 triệu đồng**
- Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM: 140 triệu đồng
- b. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 750 triệu đồng**
- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng NTM: 85 triệu đồng
  - Nguồn vốn khác: 665 triệu đồng
- 3. Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh: 91.751 triệu đồng, gồm:**
- a. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 19.122 triệu đồng**
- Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM: 18.682 triệu đồng
  - Nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 440 triệu đồng
- b. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 72.629 triệu đồng**
- Nguồn ngân sách tỉnh phân cấp: 4.475 triệu đồng
  - Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 3.044 triệu đồng
  - Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng NTM: 9.321 triệu đồng
  - Nguồn thu tiền sử dụng đất: 16.735 triệu đồng
  - Nguồn vốn khác: 39.054 triệu đồng

*(Chi tiết có biểu kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và các đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Văn Hán khoá XXI, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khoá XXI;
- Các phòng chuyên môn thuộc xã;
- Lưu: VT, VP.


**CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Khắc Hùng**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ VĂN HÁN**  
(Kính theo Nghị Quyết số 9/NQ-HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2023 của HĐND xã Văn Hán)



TT	Đanh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Thời gian KC - HT	Tình trạng dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (theo dự kiến)										Kế hoạch sửa đổi công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Chi phí											
				Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSTH PC	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M		Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M	Vốn NSTH M							
<b>TỔNG CỘNG</b>																																			
A	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN			90.861	18.982	4.475	3.044	9.236	16.735	38.389	890	140	665	91.751	19.122	4.475	3.044	9.321	16.735	39.054															
7	Chiều dài			62.599	-	4.475	3.000	-	16.735	38.389	890	140	665	63.489	140	4.475	3.000	85	16.735	39.054															
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thôn Đèo 2 - Đèo Lầm - Hồ KIM 2	2018 - 2021	Đã hoàn thành quyết toán	2.001	-	940	3.000	-	6.677	15.898	-	-	2.001	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
2	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Phố Lý xã Văn Hán ở xóm Thống Nhất xã Khe Mỏ	2019 - 2021	Đã hoàn thành quyết toán	205	-	-	-	-	-	205	-	-	205	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
3	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Làng Cháy, xã Khe Mỏ ở xã Thuận Sơn	2018 - 2021	Đã hoàn thành quyết toán	892	-	-	-	-	-	892	-	-	892	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
4	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm HH HA di xóm LA RỖY, xã Khe Mỏ	2019 - 2021	Đã hoàn thành quyết toán	228	-	-	-	-	-	228	-	-	228	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
5	Xây dựng tuyến đường liên xã Khe Mỏ - Sàng Châu	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	2.354	-	-	-	-	2.033	281	-	-	2.354	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xóm Hồ KIM 2 xã Văn Hán đi cấp Đường Chèo xã Thuận Hòa	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	4.119	-	-	-	-	-	3.719	-	-	4.119	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thôn Đèo 1 - La Mỏ ở xã Thuận Sơn	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	7.353	-	-	-	-	-	6.853	-	-	7.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xóm Thuận Lâm đi xóm CHÁM, xã Văn Hán	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	1.551	-	-	-	-	1.244	307	-	-	1.551	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xóm Phố Lý, xã Văn Hán đi xóm Thống Nhất xã Khe Mỏ	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	6.400	-	-	-	-	3.400	-	-	3.000	6.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
10	Xây dựng tuyến đường từ xóm Hồ KIM 2 xã Văn Hán đi cấp Đường Chèo xã Thuận Hòa	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	293	-	-	-	-	-	293	-	-	293	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
11	Xây dựng hạ tầng, phục vụ đi lại, xây dựng giao thông xóm Hồ KIM 2, xã Văn Hán	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	142	-	-	-	-	-	142	-	-	142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
12	Xây dựng công tác đường giao thông liên phục vụ dân cư tại xóm Hồ KIM 2 xã Văn Hán	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	977	-	-	-	-	-	977	-	-	977	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
II	Giáo dục			32.098	-	2.295	-	-	7.479	22.324	890	140	665	32.988	140	2.295	-	85	7.479	22.989															
1	Kiểm tra, bảo trì trường tiểu học miền Nam, TH cấp 2 trường Tiểu học vùng 1 xã Thuận Hòa	2022 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	938	-	-	-	-	-	938	-	-	938	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Nhà biệt thự và các công trình phụ trợ trường mầm non Văn Hán	2021 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	5.526	-	-	-	-	600	4.926	-	-	5.526	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	Nhà lớp học 2 tầng trường tiểu học số 1 Văn Hán	2021 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	4.295	-	2.295	-	-	-	2.000	-	-	4.295	-	2.295	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH Khe Mỏ	2024 - 2025	Đã hoàn thành quyết toán	4.670	-	-	-	-	1.670	3.000	-	-	4.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Nhà biệt thự và các phòng chức năng trường THCS Văn Hán	2024 - 2025	Đã hoàn thành quyết toán	4.559	-	-	-	-	4.059	500	-	-	4.559	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Nhà biệt thự và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non trung tâm xã Khe Mỏ	2024 - 2025	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán	11.050	-	-	-	-	1.050	10.000	-	-	11.050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Nâng cấp sân trường mầm non Văn Hán - diện trung tâm	2021 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	170	-	-	-	-	-	170	-	-	170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Cải tạo sân chơi nhà lớp học 2 tầng trường THCS Văn Hán	2021 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	890	-	-	-	-	100	790	-	-	890	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
9	Cải tạo, sân chơi trường tiểu học Khe Mỏ	2024 - 2025	Đã hoàn thành quyết toán	890	140	-	-	-	-	665	-	-	890	140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Quản lý nhà nước			2.822	-	1.240	-	-	1.415	167	-	-	2.822	-	1.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Cải tạo sân chơi nhà trẻ xã Thuận Hòa, xã Thuận Hòa	2021 - 2023	Đã hoàn thành quyết toán	1.807	-	1.240	-	-	400	167	-	-	1.807	-	1.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Sân chơi trẻ em Văn Hán và các công trình phụ trợ UBND xã Văn Hán	2024 - 2025	Đã hoàn thành quyết toán	960	-	-	-	-	960	-	-	-	960	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Cải tạo, sân chơi trẻ em Văn Hán, cấp II, cấp III	2020 - 2021	Đã hoàn thành quyết toán	55	-	-	-	-	55	-	-	-	55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	Thương mại			76	-	-	-	-	76	-	-	-	76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Xây dựng nhà dân sinh, các cơ sở công, công khai xã Văn Hán	2016 - 2016	Đã hoàn thành quyết toán	76	-	-	-	-	76	-	-	-	76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	Nhận vụ quy hoạch			1.088	-	-	-	-	1.088	-	-	-	1.088	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Hán, huyện Đông Hà giai đoạn 2023-2033	2024 - 2025	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán	338	-	-	-	-	338	-	-	-	338	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Khe Mỏ, huyện Đông Hà giai đoạn 2023-2033	2024 - 2025	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán	294	-	-	-	-	294	-	-	-	294	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-





Số: 18 /NQ-HĐND

Văn Hán, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách xã Văn Hán năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN  
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH 15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 15/8/2025 của HĐND xã Văn Hán về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Văn Hán về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách xã Văn Hán năm 2025 và tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 29/9/2025 của UBND xã Văn Hán về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã Văn Hán; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách xã Văn Hán năm 2025, như sau:

**I. Tổng thu ngân sách Nhà nước: 5.187 triệu đồng** (Tại biểu số 16 Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND xã Văn Hán)

**II. Tổng thu chi cân đối****1. Thu ngân sách: 129.501 triệu đồng**

- Số thu theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên, gồm:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 18.393 triệu đồng

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 90.181 triệu đồng

- Số thu từ nguồn chuyển nguồn, kết dư ngân sách theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên, gồm:

+ Nguồn chuyển nguồn: 9.451 triệu đồng

+ Nguồn kết dư ngân sách: 11.476 triệu đồng

**2. Chi ngân sách: 129.501 triệu đồng**

**2.1. Đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND xã Văn Hán: 76.119 triệu đồng, trong đó:**

- Chi đầu tư phát triển: 2850 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 72.908 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách: 361 triệu đồng

**2.2. Bổ sung chi ngân sách: 53.382 triệu đồng, trong đó**

- Chi đầu tư phát triển: 3.879 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 16.061 triệu đồng

- Chi các chương trình mục tiêu: 10.985 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách: 1.530 triệu đồng

- Chi từ nguồn chuyển nguồn: 9.451 triệu đồng

- Chi từ nguồn kết dư ngân sách: 11.476 triệu đồng

*(Có các biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện****1. Giao Ủy ban nhân dân xã:**

- Đối với kinh phí chưa phân bổ chi tiết: UBND xã phân bổ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Triển khai thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã và các Đại biểu HĐND xã giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XXI Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Các Đại biểu HĐND xã;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng giao dịch số 2 - KBNN KV 7;
- Lưu: VT, VP.



**Nguyễn Khắc Hùng**

**Biểu mẫu số 15**

Kèm theo Nghị định 31/2017/NĐ - CP  
ngày 23/3/2017 của Chính phủ

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 8/NQ - HĐND ngày 7 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025	Dự toán thu bổ sung
<b>A</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>129 501</b>	<b>76 119</b>	<b>53 382</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>			
	Thu NSDP hưởng 100%			
	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia			
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>108 574</b>	<b>76 119</b>	<b>32 455</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	18 393	18 393	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	90 181	57 726	32 455
	<i>Trong đó</i>	90 181	57 726	32 455
-	Bổ sung có mục tiêu nguồn NS trung ương	7 150		7 150
-	Bổ sung có mục tiêu nguồn NS cấp tỉnh	83 031	57 726	25 305
<b>III</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>	<b>11 476</b>		<b>11 476</b>
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn năm trước sang</b>	<b>9 451</b>		<b>9 451</b>
<b>V</b>	<b>Thu viện trợ, ủng hộ, đóng góp</b>			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>129 501</b>	<b>76 119</b>	<b>53 382</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>97 589</b>	<b>76 119</b>	<b>21 470</b>
1	Chi đầu tư phát triển	6 729	2 850	3 879
2	Chi thường xuyên	88 969	72 908	16 061
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
5	Dự phòng ngân sách	1 891	361	1 530
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>10 985</b>		<b>10 985</b>
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	10 750		10 750
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	235		235
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn chuyển nguồn</b>	<b>9 451</b>		<b>9 451</b>
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn kết dư</b>	<b>11 476</b>		<b>11 476</b>



**Biểu mẫu số 17**  
 Kèm theo Nghị định 31/2017/NĐ - CP  
 ngày 23/3/2017 của Chính phủ

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)

ĐVT: Tỷ

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Tiết kiệm 10% theo NQ số 173/NQ-CP (Gồm tiết kiệm chi đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025)	Đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025 (Chưa có TKC)	Dự toán phân bổ
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>129.501</b>	<b>373</b>	<b>75.893</b>	<b>53.235</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSĐP</b>	<b>97.589</b>	<b>373</b>	<b>75.893</b>	<b>21.323</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6.729</b>		<b>2.850</b>	<b>3.879</b>
1	Chi xây dựng cơ bản				
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.729		2.850	3.879
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-			
4	Chi GPMB từ nguồn thu tiền thuê đất	-			
6	Chi đầu tư khác	-			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>88.969</b>	<b>373</b>	<b>72.682</b>	<b>15.914</b>
	Trong đó	-			
1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	54.983		51.827	3.156
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	195		195	-
3	Chi quốc phòng	1.302		1.180	122
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.293		934	359
5	Chi y tế, dân số và gia đình	614		228	386
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao	245	12	233	-
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	104			104
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-			
9	Sự nghiệp kinh tế	3.555	68	424	3.063
10	Chi quản lý hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	20.658	294	15.099	5.265
11	Chi đảm bảo xã hội	4.101		2.343	1.758
12	Chi khác của ngân sách	220		220	
13	Nguồn cải cách tiền lương	1.701			1.701
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>-</b>			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Tiết kiệm 10% theo NQ số 173/NQ-CP (Gồm tiết kiệm chi đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025)	Đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025 (Chưa có TKC)	Dự toán phân bổ
1	2	3	4	5	6
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-			
V	Dự phòng ngân sách	1.891		361	1.530
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>10.985</b>			<b>10.985</b>
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	10.750		-	10.750
1	CTMT Nông thôn mới	9.798		-	9.798
	<i>Đầu tư</i>	9.644			9.644
	NSTW	5.896			5.896
	NSDP tỉnh đối ứng	3.748			3.748
	NSDP huyện đối ứng	-			
	<i>Sự nghiệp</i>	154		-	154
	NSTW	154			154
	NSDP tỉnh đối ứng	-			
	NSDP huyện đối ứng	-			
2	CTMTQG giảm nghèo	809			809
	<i>Đầu tư</i>	-			
	NSTW	-			
	NSDP tỉnh đối ứng	-			
	NSDP huyện đối ứng	-			
	<i>Sự nghiệp</i>	809			809
	NSTW	735			735
	NSDP tỉnh đối ứng	74			74
3	CTMTQG DTMN	144			144
	<i>Đầu tư</i>	-			
	NSTW	-			
	NSDP tỉnh đối ứng	-			
	<i>Sự nghiệp</i>	144		-	144
	NSTW	130			130
	NSDP tỉnh đối ứng	14			14
II	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	235			235

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Tiết kiệm 10% theo NQ số 173/NQ-CP (Gồm tiết kiệm chi đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025)	Đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025 (Chưa có TKC)	Dự toán phân bổ
1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông (phụ biểu số 02)	30			30
2	Kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa (phụ biểu số 03)	205			205
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn chuyển nguồn</b>	<b>9.451</b>			<b>9.451</b>
<b>D</b>	<b>Chi từ nguồn kết dư</b>	<b>11.476</b>			<b>11.476</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)*

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2025	Tiết kiệm 10% theo NQ số 173/NQ-CP (Gồm tiết kiệm chi đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025)	Đã giao tại NQ số 14/NQ - HĐND ngày 14/8/2025 (chưa có TKC)	Dự toán phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>97.589,0</b>	<b>373,4</b>	<b>75.893,0</b>	<b>21.322,6</b>	-
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>97.589,0</b>	<b>373,4</b>	<b>75.893,0</b>	<b>21.322,6</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6.729,0</b>		<b>2.850,0</b>	<b>3.879,0</b>	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.729,0		2.850,0	3.879,0	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.779,0		1.900,0	3.879,0	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	330,0		330,0		
-	Chi đầu tư khác	620,0		620,0		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>88.969,0</b>	<b>373,4</b>	<b>72.682,0</b>	<b>15.913,6</b>	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	54.983,0		51.827,2	3.155,8	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	195,0		195,0	-	
3	Chi quốc phòng	1.301,8		1.179,5	122,3	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.292,6		933,8	358,8	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	613,7		227,8	385,9	
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao	244,9	11,6	233,3	-	
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	104,4			104,4	
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-				
9	Sự nghiệp kinh tế	3.554,7	67,8	424,2	3.062,7	
10	Chi quản lý hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	20.657,5	294,0	15.098,5	5.265,0	
11	Chi đảm bảo xã hội	4.100,7		2.343,0	1.757,7	
12	Chi khác của ngân sách	219,7		219,7		
13	Nguồn cải cách tiền lương	1.701,0			1.701,0	
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>				-	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>				-	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>1.891,0</b>		<b>361,0</b>	<b>1.530,0</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương</b>				-	
<b>B</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				-	





**Chi Thường xuyên**

TT	Nội dung	Tổng số chi ngân sách xã	Dự toán giao tại NQ số 14/NQ-UBND xã Văn Hán (*)	Trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Số được chi từ nguồn ngân sách nhà nước	Kinh phí thực hiện đề án 06 (**)	Chi Thường xuyên										Chi khác của ngân sách	Nguồn cải cách tiền lương			
							Chi quản lý hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế, dân số gia đình	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	Chi sự nghiệp truyền thanh, thông tin...	Chi đảm bảo xã hội	Chi sự nghiệp kinh tế, giao thông và đơn vị sự nghiệp khác	Chi sự nghiệp quốc phòng	Chi sự nghiệp an ninh						
-	Chi hoạt động của HĐND (Chi cho các kỳ họp, giám sát, các phiên họp, tiếp xúc cử tri...)	140,0	60,0		80,0																
-	Phụ cấp đại biểu HĐND	247,0	120,0		127,0																
-	Báo đại biểu hội đồng nhân dân	60,0	60,0		-																
-	Kinh phí may trang phục đại biểu HĐND	142,5			142,5																
*	Hoạt động UBND xã	1.734,4	952,6	3,6	778,2	-	560,0	-	-	-	59,4	-	18,8	20,0	-	120,0					
-	Mua sắm máy móc, trang thiết bị, sửa chữa, vật dụng hàng hóa dùng chung, vật tư VP	40,0			40,0		40,0														
-	Các khoản chi chung (tiền điện, điện thoại, mạng ngày hội BVANTQ .....	203,1	203,1																		
-	Mua sắm màn hình LED hội trường	150,0			150,0		150,0														
-	Kinh phí chi hợp đồng theo ND 111 ( Báo vệ, tạp vụ...)	100,0	50,0		50,0		50,0														
-	Chi hoạt động, nhiệm vụ đặc thù ... của UBND xã ( hội nghị, hội họp, gặp mặt CBCC, gặp mặt DN, gặp mặt khác....)	300,0			300,0		300,0														
-	Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất, vận chuyển TS TTB khi sắp xếp	641,5	641,5		-																
-	Kinh phí tiếp công dân, đơn thư	20,0			20,0		20,0														
-	Kinh phí tuyên truyền thông tin kinh tế xã hội, văn hóa...	63,0		3,6	59,4						59,4										
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP	120,0			120,0																
-	Hoạt động an ninh quốc phòng	96,8	58,0		38,8																
<b>2</b>	<b>Phòng kinh tế</b>	<b>1.914,4</b>	<b>651,0</b>	<b>5,0</b>	<b>1.258,4</b>	<b>-</b>	<b>213,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>128,0</b>	<b>-</b>	<b>18,8</b>	<b>20,0</b>	<b>-</b>	<b>51,4</b>					
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí tự chủ</b>	<b>443,0</b>	<b>250,0</b>	<b>5,0</b>	<b>188,0</b>	<b>-</b>	<b>188,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>					

Chi Thường xuyên

TT	Nội dung	Tổng số chi ngân sách xã	Dự toán giao tại NQ số 14/NQ-HĐND xã Văn Hân (*)	Trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Số được chi từ nguồn ngân sách nhà nước	Kinh phí thực hiện đề án 06 (**)	Chi quản lý hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế, dân số gia đình	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	Chi sự nghiệp truyền thanh, thông tin...	Chi đảm bảo xã hội	Chi sự nghiệp kinh tế, giao thông, môi trường và đơn vị sự nghiệp khác	Chi sự nghiệp quốc phòng	Chi sự nghiệp an ninh	Chi khác của ngân sách	Nguồn cải cách tiền lương
-	Chi lương và các khoản phụ cấp đóng góp	393,0	250,0		143,0		143,0										
-	Chi hoạt động ( 10 triệu/ người x 5 người)	50,0		5,0	45,0		45,0										
2.2	<b>Kinh phí không tự chủ</b>	<b>1.471,4</b>	<b>401,0</b>	-	<b>1.070,4</b>	-	<b>25,0</b>	-	-	-	-	<b>128,0</b>	<b>866,0</b>	-	-	-	<b>51,4</b>
-	Sự nghiệp kinh tế (cộng tác viên thu y ...)	117,0	81,0		36,0								36,0				
-	Công tác chính lý, đo đạc, Kiểm kê đất đai, giao thông, xây dựng, ngân sách, kế hoạch, tài sản công, tài chính .....	150,0	50,0	-	100,0	-							100,0				
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP	51,4			51,4												51,4
-	Chi mua phôi giấy CN QSD đất, giấy ĐKKD ....	25,0			25,0		25,0										
-	Chi hoạt động lĩnh vực Nông nghiệp, phòng chống dịch bệnh, nông thôn mới, OCOP, PC thiên tai, CT MTQG, thủy lợi, chăn nuôi..	50,0			50,0								50,0				
-	Chuyển đổi số lĩnh vực kinh tế	20,0			20,0								20,0				
-	Kinh phí quy hoạch	660,0			660,0								660,0				
-	Tiền điện hộ nghèo	128,0			128,0							128,0					
-	Kinh phí miễn thủy lợi phí (chi quản lý, duy tu, sửa chữa nhỏ các CT thủy lợi)	270,0	270,0		-												
3	<b>Phòng VHXX</b>	<b>5.292,8</b>	<b>2.653,2</b>	<b>16,0</b>	<b>2.623,6</b>	-	<b>575,0</b>	-	<b>385,9</b>	-	-	<b>1.629,7</b>	-	-	-	-	<b>33,0</b>
3.1	<b>Kinh phí tự chủ</b>	<b>345,0</b>	<b>200,0</b>	<b>3,0</b>	<b>142,0</b>	-	<b>142,0</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi lương và các khoản phụ cấp đóng góp	255,0	200,0		55,0												
-	Chi hoạt động (10 triệu/ người x 3 người)	30,0		3,0	27,0		27,0										
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách	60,0			60,0		60,0										
3.2	<b>Kinh phí không tự chủ</b>	<b>4.947,8</b>	<b>2.453,2</b>	<b>13,0</b>	<b>2.481,6</b>	-	<b>433,0</b>	-	<b>385,9</b>	-	-	<b>1.629,7</b>	-	-	-	-	<b>33,0</b>













Phụ biểu 01

**BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO NĂM 2025**  
**CÁC TRƯỜNG: MÀM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VÂN HÁN**  
 (Kèm theo Nghị quyết số/8/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Vân Hán)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí chi không thường xuyên													
		Kinh phí chi tự chủ		Tiền thường theo NB 73/NĐ-CP		Các chế độ chính sách									
		Chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp, chi hoạt động	Khen thưởng tập thể, cá nhân (QĐ 2269/QĐ-UBND)	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	Chi NC hệ thống thông tin đảm bảo an toàn theo cấp độ	Nguồn sự nghiệp giáo dục	Nguồn CCTL	Kinh phí cấp bù học phí theo ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí hỗ trợ học phí cho nhà trẻ, mẫu giáo theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND	Kinh phí chế độ học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-T-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho nhà trẻ theo NQ số 11/2023/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ học phí theo NQ số 11/2023/NĐ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	Kinh phí hỗ trợ giáo viên giảng dạy lớp có học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG CỘNG</b>	162,400	260,970	320,800	100,100	1,059,256	1,059,256	50,023	1,350	57,120	76,663	125,424	5,600	1,040	661,579
I	Khối Trường Mầm non	-	76,400	158,400	28,600	276,783	276,783	15,153	1,350	57,120	76,663	-	5,600	1,040	28,337
1	MN Khe Mo		32,010		14,300	128,368	128,368	5,153	1,350	15,840	29,063		1,440	0,360	
2	MN Vân Hán		44,390	158,400	14,300	148,415	148,415	10,000		41,280	47,600		4,160	0,680	28,337
II	Khối Trường Tiểu học	-	117,750	162,400	42,900	517,036	517,036	-	-	-	-	43,056	-	-	273,103
1	TH Khe Mo		32,710		14,300	128,620	128,620								133,974
2	TH số 1 Vân Hán		45,790	162,400	14,300	196,883	196,883					26,208			77,052
3	Tiểu học số 2 Vân Hán		39,250		14,300	191,534	191,534					16,848			62,077
III	Khối Trường Trung học cơ sở	162,40	66,820	-	28,600	265,438	265,438	34,870	-	-	-	82,368	-	-	360,139
1	THCS Khe Mo		26,170		14,300	104,457	104,457								158,033
2	THCS Vân Hán	162,40	40,650		14,300	160,981	160,981	34,870				82,368			202,106

Phụ biểu: 02

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN  
GIAO THÔNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Ghi chú
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>30</b>	
1	Thực hiện các nội dung theo quy định tại Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ	Phòng Kinh tế	30	

Phụ biểu: 03

**PHỤ BIỂU PHÂN BỐ HỖ TRỢ BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 7 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị thực hiện
I	<b>KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp mương dẫn nước xóm Thịnh Đức 1	205.000.000	Văn phòng HĐND và UBND xã
	<b>Tổng cộng</b>	<b>205.000.000</b>	

## Phụ biểu 04

## PHÂN BỐ KINH PHÍ TỪ NGUỒN CHUYÊN NGUỒN NĂM 2024 SANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND</b>		
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Khe Mo	2.780	
2	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường THCS Văn Hán	1.176	
3	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non trung tâm xã Khe Mo	858	
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Khe Mo	3.206	
5	Cải tạo nâng cấp nền đường xóm Thịnh Đức 1, xã Văn Hán	3	
6	Cải tạo nâng cấp nền đường xóm Phả Lý, xã Văn Hán	150	
7	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ giai đoạn 2023 - 2033	35	
8	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Khe Mo huyện Đồng Hỷ giai đoạn 2023 - 2033	43	
9	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 1, xã Khe Mo	25	
<b>II</b>	<b>Chưa phân bổ chi tiết</b>		
1	Nguồn phí môi trường	484	
2	Kinh phí lắp đặt đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông cho xã Khe Mo	499	
3	Nguồn cải cách tiền lương	192	
	<b>Cộng</b>	<b>9.451</b>	-

## PHÂN BỐ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kết dư năm 2024	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND</b>	<b>8.822,0</b>	
1	Hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất để phục vụ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp: Mua sắm màn hình LED hội trường	140	
2	Nguồn vốn tài trợ tập đoàn Hòa Phát ( Công trình Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non trung tâm xã Khe Mo)	6.500	
3	Chi SNKT môi trường nguồn phí môi trường- Chi Duy tu sửa chữa tuyến đường liên xã Văn Hán- Nam Hòa	2.033	
4	Dự phòng ngân sách 2024- Chi Xử lý sạt lở Cầu Hai Bà xóm Long Giàn, xã Văn Hán	149	
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>	<b>1.870</b>	
	+ Cải tạo sửa chữa trường Tiểu học số 1 Văn Hán (đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND thực hiện)	145	
	+ Cải tạo sửa chữa trường THCS Văn Hán (đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND thực hiện)	550	
	+ Hỗ trợ trường Tiểu học Khe Mo thực hiện đón chuẩn mức độ 1	48	
	+ Kinh phí hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ - CP ngày 12/3/2025 (Học kỳ 2 năm học 2024 - 2025) cho trường Mầm Non Khe Mo và trường Mầm non Văn Hán	5,0	
	+ Phân bổ vào vốn đầu tư công cho đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND thực hiện Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Khe Mo	665,0	Điều chỉnh bổ sung vốn đầu tư công năm 2025
	+ Kinh phí sự nghiệp giáo dục phân bổ sau	457	
<b>III</b>	<b>Chưa phân bổ chi tiết</b>	<b>784</b>	
1	Hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất để phục vụ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	224	
2	Kinh phí tài trợ chi các nhiệm vụ phát triển – kinh tế xã hội địa phương	243	
3	Công tác quy hoạch (nguồn xã hội hóa)	224	
4	Các nguồn khác còn lại	93	
	<b>Cộng</b>	<b>11.476</b>	

Phụ biểu 06

PHÂN BỐ KINH PHÍ TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐND ngày 3 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Văn Hán)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn dự phòng 2025	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND</b>		
1	Chi Xử lý sạt lở Cầu Hai Bà xóm Long Giàn, xã Văn Hán	405	
	<b>Cộng</b>	<b>405</b>	-